

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

CÔNG BỐ

GIÁ VẬT LIỆU THÁNG 10 NĂM 2022 ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG
KHU VỰC TRUNG TÂM THÀNH PHỐ VÀ CÁC HUYỆN
(Số 10/2022/CBLS-XD-TC ngày 10 tháng 11 năm 2022)

Bắc Ninh, tháng 11 năm 2022

Số: 10/2022/CBLS-XD-TC

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 11 năm 2022

CÔNG BỐ**Giá vật liệu xây dựng tháng 10 năm 2022 đến hiện trường xây dựng
khu vực trung tâm thành phố và các huyện**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Sau khi khảo sát thị trường, thống nhất ý kiến của các thành viên Tổ công tác xây dựng Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Liên sở Xây dựng - Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng đến hiện trường khu vực trung tâm thành phố và các huyện tháng 10 năm 2022 để các chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

I. Nội dung công bố giá vật liệu xây dựng**1. Một số loại vật liệu chủ yếu (Chi tiết kèm theo phụ lục 1)****1.1. Cơ sở xác định giá vật liệu xây dựng**

Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm; báo giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, mức giá công bố đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình tại trung tâm các huyện và thành phố.

Giá VLXD tại trung tâm các huyện và thành phố Từ Sơn đã tính với bán kính 2km, trung tâm thành phố Bắc Ninh đã tính với bán kính 3km.

1.2. Nguyên tắc xác định trung tâm các huyện và thành phố

Thành phố Bắc Ninh: Ngã sáu giao đường Lý Thái Tổ và đường Trần Hưng Đạo (QL18) làm trung tâm.

Thành phố Từ Sơn: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Lý Thái Tổ làm trung tâm (cạnh Bưu điện Từ Sơn).

Huyện Tiên Du: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Nguyễn Đăng Đạo (Tỉnh lộ 270) làm trung tâm (cạnh Bưu điện Tiên Du).

Huyện Yên Phong: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 286 và Tỉnh lộ 295 làm trung tâm.

Huyện Quế Võ: Ngã tư giao đường QL18 và Tỉnh lộ 279 làm trung tâm (cạnh Bưu điện Quế Võ).

Huyện Thuận Thành: Ngã tư giao đường QL38 và QL17 làm trung tâm.

Huyện Gia Bình: Ngã tư giao đường QL17 và Tỉnh lộ 280 làm trung tâm.

Huyện Lương Tài: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 280, Tỉnh lộ 281 và Tỉnh lộ 284 làm trung tâm (cạnh Hồ nước).

2. Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng

2.1. Bảng giá các doanh nghiệp (chi tiết kèm theo phụ lục 2)

Nhóm 1. Xi măng

1.1. Công ty TNHH TNC: Theo văn bản số 03/BG-TNC ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

1.2. Công ty xây dựng Hoàng Hải (TNHH): Theo văn bản số 02.22/BG-HH ngày 05/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

Nhóm 2. Gạch nung, gạch không nung

2.1. Công ty xây dựng Đồng Nguyên (TNHH): Theo văn bản số 04/ĐK ngày 01/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

2.2. Công ty Quang Long (TNHH): Theo văn bản số 03/BG-QL ngày 01/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

2.3. Công ty Cổ phần sông cầu Hà Bắc: Theo văn bản số 03/SCHB ngày 30/9/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

2.4. Công ty TNHH sản xuất gạch bê tông Bắc Ninh: Theo văn bản số 0110/CV-BN ngày 01/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

2.5. Công ty Cổ phần gạch Đại Kim: Theo văn bản số 10/2022.SXD ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

2.6. Công ty TNHH bê tông cường độ cao: Theo văn bản số 04/2022/HSC-CBG ngày 19/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

2.7. Công ty TNHH vật liệu xây dựng Hoàn Sơn: Theo văn bản số 10/2022-VXDHS ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

2.8. Công ty TNHH vật liệu xây dựng không nung Thuận Thành: Theo văn bản số 04/KNTT ngày 01/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

2.9. Công ty thương mại và xây dựng Đức Việt (TNHH): Theo văn bản số 07/CV-DV ngày 01/7/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2022 (Quý III/2022).

2.10. Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Bắc Ninh: Theo văn bản số 03.2022/BG ngày 01/7/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2022 (Quý III/2022).

2.11. Công ty TNHH Đại Thịnh: Theo văn bản số 07/ĐT ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

2.12. Công ty Cổ phần VLXD Minh Đạo: Theo văn bản số 110/BG-MĐ ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý 4/2022).

2.13. Công ty Cổ phần Gạch công nghệ mới: Theo văn bản số 05/CNM ngày 15/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

Nhóm 3. Vật liệu ốp lát

3.1. Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng: Theo văn bản số 011022/CV-ĐG ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

3.2. Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera: Theo văn bản số 1251A/VIKD-DA ngày 01/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV-2022).

3.3. Công ty Cổ phần Catalan: Theo văn bản số 518/CV-CTL ngày 01/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

3.4. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Ý Gia: Theo văn bản số 03.22/YG ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

3.5. Công ty TNHH Thạch Bàn: Theo văn bản số 191/2022/CV-TBI/DA ngày 10/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

Nhóm 4. Vật liệu lợp

4.1. Công ty Cổ phần Austnam: Theo văn bản số 04/2022/CV/KDNĐ ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

4.2. Công ty TNHH Libati: Theo văn bản số 072022/BG-LIBATI ngày 01/7/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2022 (Quý III/2022).

4.3. Công ty Cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long: Theo văn bản số 21/CV-TVT ngày 22/9/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

Nhóm 5. Cửa các loại và trần nhà

5.1. Công ty TNHH Hải Hà VINA: Theo văn bản số 04/BG-HHVN ngày 05/10/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh.

5.2. Công ty TNHH đồ gỗ PLC: Theo văn bản số 04/2022/BG-PLC ngày 18/10/2022 về việc đề nghị niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý III/2022.

5.3. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 01102022/VENZA-SXD ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

5.4. Công ty TNHH thiết bị Bảo Minh An: Theo văn bản số 403/CV ngày 18/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

5.5. Công ty Ngọc Hùng (TNHH): Theo văn bản số 04/CV-NH ngày 03/10/2022 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý IV/2022.

5.6. Công ty Cổ phần tập đoàn Austdoor: Theo văn bản số 800/CV-ADG ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

5.7. Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Trung Hiếu: Theo văn bản số 04.2022/BG-TH ngày 10/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

5.8. Công ty Cổ phần nhôm và cơ khí xây lắp Việt Pháp: Theo văn bản số 04-2022/TBG-FV ngày 10/10/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh.

5.9. Công ty Cổ phần Hùng Châm: Theo văn bản số 04/CV ngày 06/10/2022 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý IV/2022.

5.10. Công ty Cổ phần cơ khí Đông Anh Licogi: Theo văn bản số 101/CKDA/SXD ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý IV/2022).

5.11. Công ty TNHH công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc Việt Nam: Theo văn bản số PS-04/2022 ngày 06/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

Nhóm 6. Sơn, bột bả các loại

6.1. Công ty Cổ phần công nghệ Tincom Quốc Tế: Theo văn bản số 86/TC-VP ngày 07/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.2. Công ty Cổ phần Sơn Jymec Việt Nam: Theo văn bản số 0322/JM-SXDBN ngày 05/7/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2022 (Quý III/2022).

6.3. Công ty Cổ phần tập đoàn Sơn công nghệ cao Nano Delux: Theo văn bản số 03.2022/TBG-BN ngày 01/7/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2022 (Quý III/2022).

6.4. Công ty Cổ phần Sơn Newcolor Việt Nam: Theo văn bản số 01/TBG-NCL ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.5. Công ty Cổ phần Sơn Pantone Việt Nam: Theo văn bản số 171022/CV-PT ngày 17/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.6. Công ty TNHH liên doanh Sơn Pretty: Theo văn bản số 14/2022-SPT ngày 25/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.7. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 02102022/VENRA-SXD ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.8. Công ty Cổ phần thương mại sản xuất quốc tế NANOZTO: Theo văn bản số 102022/TB-NCL ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.9. Công ty TNHH Sơn Ronspec: Theo văn bản số 052028/RONSPEC ngày 01/10/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.10. Công ty Cổ phần Sơn Nano Shield Việt Nam: Theo văn bản số 04/BG-NANO SHIELD ngày 10/10/2022 về việc đề nghị đăng giá Sơn Nano Shield trên Công bố giá liên Sở Xây dựng-Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

6.11. Công ty Cổ phần tập đoàn Thành Thắng: Theo văn bản số 588/BG-TĐTT ngày 19/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.12. Công ty TNHH Hải Quân: Theo văn bản số 05.2022/TB-HQ ngày 07/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.13. Công ty TNHH tập đoàn Thắng Phát: Theo văn bản số 123/2022 ngày 20/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.14. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Nisfor Vina: Theo văn bản số 03/CV-CBG ngày 10/10/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.15. Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ sơn Apex Việt Nam: Theo văn bản số 004/CV-APEX ngày 01/10/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý IV/2022).

6.16. Công ty Cổ phần ST Quốc Tế: Theo văn bản số 04/CV-STQT ngày 15/10/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý IV/2022.

6.17. Công ty Cổ phần liên danh Lebeus Group: Theo văn bản số 31/2022 ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.18. Công ty Cổ phần Tenno Group: Theo văn bản số 12/2022 ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022.

6.19. Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thế Gia: Theo văn bản số 0110/2022 ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.20. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Sông Đà: Theo văn bản số 04.22/BG-SĐ ngày 15/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.21. Công ty cổ phần sơn VINAECO: Theo văn bản số 126/VINAECO-SXDBN ngày 16/9/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

Nhóm 7. Dây, cáp, thiết bị điện và phụ kiện

7.1. Công ty Cổ phần cơ điện Trần Phú: Theo văn bản số 60/TP-NYVL ngày 06/10/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.2. Công ty Cổ phần Fusieletric: Theo văn bản số 09/2022/CV-FUSI ngày 01/9/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.3. Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam: Theo văn bản số 48/SXD-SLI ngày 07/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.4. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng: Theo văn bản số 06/SXD-PT ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.5. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Phát: Theo văn bản số 0110/CV/2022 ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.6. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phương Đông: Theo văn bản số 1410/PĐ ngày 14/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.7. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Gia: Theo văn bản số 512/2022 ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.8. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Thiên Long: Theo văn bản số 312LS/2022 ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.9. Công ty Cổ phần Winco Việt Nam: Theo văn bản số 04/WINCO-CV ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.10. Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc: Theo văn bản số 221011/MB ngày 11/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.11. Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh Nhật Quang: Theo văn bản số 108/NQ/2022 ngày 05/10/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý IV/2022.

7.12. Công ty TNHH Vonta Việt Nam: Theo văn bản số 0107/CV/2022 ngày 01/7/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2022 (Quý III/2022).

7.13. Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Ngọc Lương: Theo văn bản số 02/SXD-NL ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.14. Công ty Cổ phần Đông Giang: Theo văn bản số 710/2022 CV-ĐG ngày 07/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.15. Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka: Theo văn bản số 345/2022/CV-HNK-KD ngày 17/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.16. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Thượng Đình: Theo văn bản số 1510/CDS ngày 15/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

7.17. Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam: Theo văn bản số 1150/CV-KDDA ngày 10/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10 (Quý IV/2022).

Nhóm 8. Phòng cháy, chữa cháy

8.1. Công ty Cổ phần PCCC thăng long Bắc Ninh: Theo văn bản số Q2/2022/TLBN ngày 10/4/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

8.2. Công ty Cổ phần phát triển thương mại và xây lắp Bình Minh: Theo văn bản số 1001/CVBM ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

Nhóm 9. Ống nước, thiết bị vệ sinh và phụ kiện

9.1. Công ty Cổ phần nhựa thiếu niên Tiên Phong: Theo văn bản số 60/NTP-PTTT1 ngày 03/11/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

9.2. Công ty Cổ phần ASIA Kinh Bắc: Theo văn bản số 04/BG-ASIA ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

9.3. Công ty TNHH thiết bị và vật tư ngành nước Hà Nội: Theo văn bản số 0701/NHN ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

9.4. Công ty Cổ phần An Đạt Phát Sài Gòn: Theo văn bản số 134/2022/CV-ADPSG ngày 13/4/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2022 (Quý II/2022).

9.5. Công ty Cổ phần Santo: Theo văn bản số 03/CV-ST ngày 01/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

Nhóm 10. Cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm

10.1. Công ty TNHH Đất Việt: Theo văn bản số 04/2022 ngày 01/10/2022 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

10.2. Công ty TNHH xây dựng Đại An: Theo văn bản số 01/10/2022/CV-ĐA ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

10.3. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Phạm Đình: Theo văn bản số 04/2022-PD ngày 07/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý 4/2022.

10.4. Công ty Cổ phần AVIA: Theo văn bản số 355/2022 ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

10.5. Công ty Cổ phần xây dựng Vũ Hùng: Theo văn bản số 03/2022-VH ngày 01/7/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý III/2022.

10.6. Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng Trường Sơn: Theo văn bản số 04/2022/TS ngày 10/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

10.7. Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng Ngân Hà: Theo văn bản số 01/2022 ngày 09/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

2.2. Một số lưu ý khi sử dụng thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng.

a) Về thông tin giá:

Giá các loại vật tư, vật liệu công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp để chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

b) Yêu cầu đối với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh niêm yết, công bố:

Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Hướng dẫn số 09/HD-SXD ngày 24/9/2021 của Sở Xây dựng Bắc Ninh về việc hướng dẫn đăng ký niêm yết giá vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu gửi liên Sở Xây dựng - Tài chính Bắc Ninh và mức giá mà đơn vị đã niêm yết, công bố; có trách nhiệm thông tin, công bố kịp thời khi thay đổi giá bán, chất lượng sản phẩm cho liên Sở.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

c) Yêu cầu đối với các cơ quan, đơn vị tham khảo, áp dụng công bố:

Khi áp dụng giá vật tư, vật liệu trong thông tin giá này yêu cầu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cung cấp hồ sơ chất lượng và giá vật tư, vật liệu tại thời điểm đảm bảo phù hợp với mặt bằng thị trường, chống thất thoát, lãng phí, hoàn toàn chịu trách nhiệm về những sản phẩm, vật tư, vật liệu khi áp dụng.

Khuyến khích lựa chọn vật tư, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và có giá thành thấp.

II. Hướng dẫn tham khảo hoặc vận dụng giá vật liệu xây dựng trong công bố

Giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là loại vật liệu phổ biến trong xây dựng công trình làm cơ sở tham khảo cho việc lập đơn giá xây dựng công trình. Giá những loại vật tư, vật liệu xây dựng có trong công bố tại khu vực thành phố Bắc Ninh mà các huyện, thành phố Từ Sơn không có thì có thể tham khảo ở thành phố Bắc Ninh.

Một số vật liệu không có trong công bố giá của liên Sở hoặc trường hợp giá vật tư, vật liệu xây dựng tại thời điểm lập dự toán, lập giá gói thầu có biến động (tăng hoặc giảm) so với giá công bố thì chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tự tổ chức khảo sát, xác định và quyết định giá vật liệu khi lập dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu của từng công trình đảm bảo theo quy định của pháp luật về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng và Sở Tài chính để cập nhật dữ liệu.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này để lập, thẩm tra, thẩm định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào thời điểm, địa điểm công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật tư, vật liệu hợp lý, xác định giá vật tư, vật liệu phù hợp với mặt bằng thị trường, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng thông tin giá theo công bố này phải chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và thực hiện đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND các huyện, TP Bắc Ninh, TP Từ Sơn;
- Giám đốc và các Phó giám đốc Sở XD, Sở TC;
- Công TTĐT Sở XD;
- Lưu: VT, KT&VLXD, QLGD.

**SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Huân

**SỞ XÂY DỰNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Đoàn

PHỤ LỤC 1

**BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG
KHU VỰC THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 - Mức giá chưa bao gồm VAT
(Kèm theo Công bố số 10/2022/CBLS-XD-TC ngày 10/11/2022 của Liên sở Xây dựng-Tài chính)

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng		Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	1	Cát xây dựng			
1		Cát mịn (ML=0,7-1,4mm)	m ³	174.749	QCVN16: 2019/BXD
2		Cát mịn (ML=1,5-2mm)	m ³	184.749	
3		Cát vàng ML>2mm	m ³	429.749	
4		Cát san nền	m ³	159.749	
	2	Đá dăm xây dựng			
5		Đá dăm xanh 1 x 2 (đá chọn)	m ³	287.771	QCVN16: 2019/BXD
6		Đá dăm xanh 2 x 4 (đá chọn)	m ³	277.771	
7		Đá dăm xanh 4 x 6 (đá chọn)	m ³	267.771	
8		Đá dăm cấp phối loại I	m ³	212.771	
9		Đá dăm cấp phối loại II	m ³	202.771	
10		Đá dăm 0,5x1	m ³	212.771	
11		Đá mặt	m ³	184.749	
	3	Nhựa đường			
12		Nhựa đường Petrolimex 60/70 - Xá	kg	17.500	
13		Nhựa đường Petrolimex 60/70 - Phuy	kg	19.300	
14		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CSS-1, CRS-1	kg	16.700	
	4	Xăng, dầu			
		<i>Từ ngày 03/10/2022</i>			
15		Xăng RON95-III	lít	19.491	
16		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	18.845	
17		Diezen 0,05S-II	lít	20.182	
18		Dầu hoả 2-k	lít	19.709	
19		Dầu mazut No2B (3S)	kg	13.909	
20		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	12.809	
		<i>Từ ngày 11/10/2022</i>			
21		Xăng RON95-III	lít	20.000	
22		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	19.355	
23		Diezen 0,05S-II	lít	21.982	
24		Dầu hoả 2-k	lít	20.745	

Handwritten signature

25		Dầu mazut No2B (3S)	kg	14.591	
26		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	12.809	
		<i>Từ ngày 21/10/2022</i>			
27		Xăng RON95-III	lít	20.309	
28		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	19.536	
29		Diezen 0,05S-II	lít	22.527	
30		Dầu hoá 2-k	lít	21.509	
31		Dầu mazut No2B (3S)	kg	14.409	
32		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	12.627	
	5	Sắt, thép			
		<i>1 - Thép Thái Nguyên</i>			
		<i>Thép tròn cuộn, thép cây</i>			
		<i>Từ ngày 05/10/2022</i>			
33		Thép tròn tron D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	15.309	
34		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	15.309	
35		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	15.759	
36		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.359	
37		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.659	
38		Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.509	
39		Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.459	
40		Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	15.659	
41		Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	15.509	
42		Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	15.459	
		<i>Từ ngày 12/10/2022</i>			
43		Thép tròn tron D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	15.109	
44		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	15.109	
45		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	15.459	
46		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.159	
47		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.359	

QCVN07:
2019/BKHCN

48	Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.209	
49	Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.159	
50	Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	15.359	
51	Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	15.209	
52	Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	15.159	
	Thép hình các loại			
	<i>Từ ngày 01/10/2022</i>			
53	Thép góc L40 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.959	
54	Thép góc L50 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.759	
55	Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.759	
56	Thép góc L63÷L65 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.709	
57	Thép góc L70÷L75 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.759	
58	Thép góc L80÷L90 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.309	
59	Thép góc L100 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.309	
60	Thép góc L120÷L130 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.959	
61	Thép góc L150, SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	19.959	
62	Thép góc L80÷L90 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	19.059	
63	Thép góc L100 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	19.359	QCVN07: 2019/BKHCN
64	Thép góc L120÷L130 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	19.359	
65	Thép góc L150 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	20.659	
66	Thép C8÷C10 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.759	
67	Thép C12 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.859	
68	Thép C14 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.259	
69	Thép C15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.260	
70	Thép C16 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.259	

Tha Htt

71	Thép C18 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.959	
72	Thép I10 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	18.359	
73	Thép I12 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	18.309	
74	Thép I15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.859	
	2 - Thép Hòa Phát			
	<i>Từ ngày 05/10/2022</i>			
75	D6, D8 cuộn tròn CB240-T	kg	14.500	QCVN07: 2019/BKHCN
76	D8 cuộn gai CB300-V	kg	14.545	
77	D10 cây gai GR40	kg	12.719	
78	D12 cây gai CB300-V	kg	13.956	
79	D14 cây gai CB300-V	kg	13.999	
80	D16 cây gai GR40	kg	13.573	
81	D18 cây gai CB300-V	kg	14.005	
82	D20 cây gai B300-V	kg	14.030	
83	D22 cây gai CB300-V	kg	14.106	
	<i>Từ ngày 08/8/2022</i>			
84	D6, D8 cuộn tròn CB240-T	kg	14.364	QCVN07: 2019/BKHCN
85	D8 cuộn gai CB300-V	kg	14.409	
86	D10 cây gai GR40	kg	12.530	
87	D12 cây gai CB300-V	kg	13.738	
88	D14 cây gai CB300-V	kg	13.806	
89	D16 cây gai GR40	kg	13.376	
90	D18 cây gai CB300-V	kg	9.907	
91	D20 cây gai B300-V	kg	13.810	
92	D22 cây gai CB300-V	kg	13.897	
	3 - Dây thép, đinh			
93	Dây thép đen các loại	kg	22.727	
94	Đinh các loại	kg	22.727	
	4 - Thép Việt Nhật (Cty CP luyện thép cao cấp Việt Nhật)			
	<i>Từ ngày 01/10/2022</i>			
95	Thép thanh vằn D10 CB300-V	kg	15.730	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 2:2018
96	Thép thanh vằn D10 CB400-V, CB500-V	kg	15.830	
97	Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	15.780	
98	Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	15.880	
99	Thép thanh vằn D14-D32 cây CB300-V	kg	15.680	

Handwritten signature

100	Thép thanh vằn D14-D32 CB400-V, CB500-V	kg	15.780	
	<i>5 - Thép Việt Ý (Cty CP thép Việt Ý)</i>			
	<i>Từ ngày 01/10/2022</i>			
101	Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CB240T	kg	16.550	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 2:2018
102	Thép thanh vằn D10 CB300-V	kg	17.400	
103	Thép thanh vằn D10 CB400-V, CB500-V	kg	17.850	
104	Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	17.250	
105	Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	17.700	
106	Thép thanh vằn D13-D32 cây CB300-V	kg	17.150	
107	Thép thanh vằn D13-D32 CB400-V, CB500-V	kg	17.600	
108	Thép thanh vằn D36 CB400-V, CB500-V	kg	17.800	
109	Thép thanh vằn D40 CB400-V, CB500-V	kg	18.500	
	<i>Từ ngày 15/10/2022</i>			
110	Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CB240T	kg	16.200	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 2:2018
111	Thép thanh vằn D10 CB300-V	kg	16.800	
112	Thép thanh vằn D10 CB400-V, CB500-V	kg	17.250	
113	Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	16.650	
114	Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	17.100	
115	Thép thanh vằn D13-D32 cây CB300-V	kg	16.650	
116	Thép thanh vằn D13-D32 CB400-V, CB500-V	kg	17.000	
117	Thép thanh vằn D36 CB400-V, CB500-V	kg	17.200	
118	Thép thanh vằn D40 CB400-V, CB500-V	kg	17.900	

2/ka H

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC TRUNG TÂM CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TỪ SƠN

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 - Mức giá chưa bao gồm VAT
(Kèm theo Công bố số 10/2022/CBLS-XD-TC ngày 10/11/2022 của Liên sở Xây dựng-Tài chính)

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thành phố Từ Sơn	Huyện Tiên Du	Huyện Yên Phong	Huyện Quế Võ	Huyện T. Thành	Huyện Gia Bình	Huyện Lương Tài
1	Cát (TCVN)									
1	Cát mịn cỡ hạt 0,7-1,4	m ³		173.897	174.281	181.698	169.438	165.514	169.469	175.781
2	Cát mịn cỡ hạt 1,5-2,0	m ³	QCVN16: 2019/BXD	183.897	184.281	191.698	179.438	175.514	179.469	185.781
3	Cát vàng ML>2	m ³		428.897	429.281	437.577	424.438	420.514	424.469	425.781
4	Cát san nền	m ³		158.897	159.281	161.698	149.438	145.514	154.469	155.781
2	Các loại Đá (TCVN)									
5	Đá dăm xanh (chọn) 1x2	m ³		283.338	283.930	295.516	276.049	276.084	276.089	279.683
6	Đá dăm xanh (chọn) 2x4	m ³		273.338	273.930	285.516	266.049	266.084	266.089	269.683
7	Đá dăm xanh (chọn) 4x6	m ³	QCVN16: 2019/BXD	263.338	263.930	275.516	256.049	256.084	256.089	259.683
8	Đá dăm cấp phối loại 1	m ³		208.338	208.930	217.583	201.049	201.084	201.089	204.683
9	Đá dăm cấp phối loại 2	m ³		198.338	198.930	207.583	191.049	191.084	191.089	194.683